TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 48 / 2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 02 / 3 / 2018
V/v tranh chấp "*Ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

***Thành phần Hội đồng xét xử gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quang Bảo**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Phan Phước Tân**;
Ông **Trần Thành Chúng.**

Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Vũ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Ông **Hồ Nguyễn Thiết Bảnh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 365/2017/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2017 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trần Thị C,** sinh năm: 1989

Địa chỉ: Tổ 25, ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông **Phạm Văn N,** sinh năm: 1991

Địa chỉ: Tổ 25, ấp Phú Thành, xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, ông N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng với các tài liệu và chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà C trình bày: Bà và ông N kết hôn năm 2004, hôn nhân do cả hai tự tìm hiểu, đến với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Hữu, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào năm 2013. Sau đám cưới cả hai lên Bình Dương làm thuê, thời gian chung sống do ông N có tính ăn chơi, nghiện cờ bạc nên thường xảy ra mâu thuẫn và đến Ny 14/02/2017 ông N và bà có làm 01 Tờ tự thuận ly hôn, sau đó ông N bỏ nhà đi đâu không rõ, ít thấy về. Trong thời gian không còn chung sống bà có năn nỉ ông N chung sống lại nhưng ông không chịu. Nay cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, xin ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Phạm Thị X, sinh ngày 23/10/2004 hiện đang sống chung với bà. Ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông N không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà C.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở phiên họp để các đương sự thực hiện quyền tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải động viên ông bà chung sống lại nhưng ông N vắng mặt, do vậy không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn bảo lưu ý kiến như đã trình bày tại phiên hòa giải. Ông N vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng phát biểu :

Đối với Thẩm phán, quá trình giải quyết vụ án đã xác định thẩm quyền, quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi, thủ tục xét xử được đảm bảo.

Về việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: ông N được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không c lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà C, xem như từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình và HĐXX tiến hành xử vắng mặt ông là có căn cứ, tại phiên tòa bà C có đơn xin xét xử vắng mặt, xét thấy yêu cầu này là phù hợp với quy định pháp luật nên đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bà.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Hôn nhân giữa bà C, ông N có đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp. Do mâu thuẫn trong đời sống vợ chồng nên bà C xin ly hôn và căn cứ các chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện trong thời gian không còn chung sống từ năm 2017 cho đến nay ông N không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Về con chung: đề nghị giao cháu Xuyến hiện đang sống chung với bà C cho bà tiếp tục nuôi dưỡng, ông N không phải cấp dưỡng nuôi con do bà C không yêu cầu; tài sản và nợ chung do bà C không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Do vậy đề nghị HĐXX căn cứ những quy định pháp luật về hôn nhân gia đình giải quyết theo yêu cầu của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bà Trần Thị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn N. Các đương sự có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Bà C có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông N vắng mặt không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt ông, bà.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà C và ông N có đăng ký kết hôn theo quy định nên làm phát sinh giá trị pháp lý theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Quá trình giải quyết vụ án, bà C trình bày nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn dẫn đến việc yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn là vì trong thời gian chung sống ông N có tính đam mê cờ bạc, mặc dù bà đã khuyên can nhưng không từ bỏ nên vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay.

Xét thấy: Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý và thông báo về phiên hòa giải cho ông N nhưng ông không đến tham gia hòa giải và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà C nên xem như ông đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của mình. Theo bà C trình bày thì cả hai đã không còn chung sống với nhau kể từ tháng 02 năm 2017 cho đến nay, mặc dù bà có thiện chí muốn hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng ông N không đồng ý. Để xác minh nguyên nhân, tình trạng mâu thuẫn của bà C, ông N, Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Lý Thị T, mẹ ruột bà C cũng như lời khai cháu Phạm Thị X, con chung của cả hai người, kết quả xác minh thể hiện ông N, bà C không còn chung sống từ tháng 02 năm 2017 đến nay, thời gian đầu ông N có về thăm con nhưng gần đây không về thăm hoặc liên lạc nữa. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa ông, bà không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu xin ly hôn của bà C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi dưỡng con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: Bà C khai cả hai có 01 con chung tên Phạm Thị X, sinh ngày 23/10/2004 hiện đang sống chung với bà và cháu X cũng có nguyện vọng muốn sống với mẹ nếu cha, mẹ ly hôn. Xét thấy nguyện vọng của cháu Xuyến là phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nên HĐXX chấp nhận, tiếp tục giao cháu Xuyến cho bà C nuôi dưỡng, chăm sóc. Bà C và người thân trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung của ông N.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà C xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét. Trường hợp ông N có yêu cầu giải quyết thì c quyền khởi kiện trong một vụ án khác.

[5] Về án phí: Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 228 , Điều 273, và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về hôn nhân: Bà Trần Thị C và ông Phạm Văn N được ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Xuyến, sinh ngày 23 tháng 10 năm 2004, hiện đang sống với bà C cho bà tiếp tục nuôi dưỡng. Ông N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung. Bà C và người thân trong gia đình không được cản trở quyền thăm con của ông N.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

- Về án phí*:* Bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002674 ngày 28/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ khi được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

**** Nơi gửi*:**
- TAND tỉnh AG;
- VKS H. AP;
- THA H. AP;
- Các đương sự;.
- Lưu HS + VP.

Nguyễn Quang Bảo